

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN LIÊN CHIỂU, TP ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phan Văn Trình**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Công Chi**

Ông **Nguyễn Văn Bình**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Chu Thị Phương Thùy** - Thư ký Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, Tp Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu, Tp Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông **Võ Quang Tiến** – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 288/2019/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 8 năm 2019 v/v “*Tranh chấp chia tài sản chung sau ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 02 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2020/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2020, và thông báo mở lại phiên tòa số 05A/TB-TA ngày 28/4/2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Võ Thị Kim P**- Sinh năm: 1981.

Địa chỉ: Nguyễn Văn C, phường B, quận L, thành phố Đ. Địa diện theo ủy quyền: Ông Trương Hùng T – Sinh năm: 1985; Địa chỉ: Nguyễn Văn Thoại, quận S, Tp Đ (theo văn bản ủy quyền lập ngày 23/9/2019) Có mặt.

- Bị đơn: Ông **Nguyễn Xuân L** - Sinh năm: 1976

Địa chỉ: đường Nguyễn Phước C, phường H, quận L, Tp. Đ. Có mặt.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Nguyễn T - Sinh năm: 1973 và bà Lê Thị L - Sinh năm: 1972; Địa chỉ: phường H, quận L, Tp. Đ. Vắng mặt

+ Công ty Cổ phần công trình; Địa chỉ: Nguyễn Văn , phường H, quận L, Tp. Đ. Vắng mặt.

- Người làm chứng: Bà Ngô Thị D – Sinh năm: 1965; Địa chỉ: phường H, quận L, Tp. Đ. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Bà Võ Thị Kim P và ông Nguyễn Xuân L đã được Tòa án giải quyết ly hôn theo Quyết định Công nhận thuận tình ly hôn số 56/2016/QĐST-HNGĐ ngày 19/4/2016 của TAND quận Liên Chiểu, TP Đà Nẵng. Tuy nhiên, về phần tài sản chung thì chưa yêu cầu giải quyết. Nay bà Võ Thị Kim P xác định tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân với ông Nguyễn Xuân L gồm:

1/ 01 lô đất diện tích 100m², thửa số 17B-2-8 tờ bản đồ số HH4, địa chỉ tại khu tái định cư Hòa Hiệp 4, phường Hòa Hiệp Nam, quận Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng (Nay là đường Thạch Sơn 3) theo giấy CNQSDĐ số CE595028 do Sở Tài nguyên và Môi trường TP. Đà Nẵng cấp ngày 24/10/2016, chính lý sang tên cho ông Nguyễn Xuân L ngày 24/01/2017. Có nguồn gốc từ việc mua của ông Nguyễn T vào năm 2014, thông qua người môi giới là bà Ngô Thị D với giá là 190.000.000đ, chúng tôi đã giao cho bà Duyên số tiền 170.000.000đ, số tiền còn lại thanh toán đủ khi nhận sổ đỏ (tức là bao sổ đỏ), theo hợp đồng nhận cọc ngày 21.8.2014 và hợp đồng ủy quyền lập ngày 10.9.2014, tại Văn phòng công chứng Ngọc Yến. Lô đất này được chuyển đổi từ lô đất số 411, khu B2.8 đường 5.5m thuộc khu phía Bắc trường Giao thông vận tải về khu tái định cư Hòa Hiệp 4, phường Hòa Hiệp Nam, (theo Quyết định chuyển đổi vị trí đất số 8186/QĐ-UBND ngày 14/11/2014 của UBND TP Đà Nẵng).

2/ Giá trị vật kiến trúc trên đất tại địa chỉ tại K7/31 Nguyễn Phước Chu, phường Hòa Hiệp Bắc, quận Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng. Có nguồn gốc: Đất là do Công ty Cổ phần công trình 875 cấp cho anh Lâm, sau đó vợ chồng bỏ tiền ra xây dựng và nâng cấp để sử dụng.

Và thống nhất với kết quả định giá của 02 tài sản trên do Công ty Cổ phần Thẩm định giá BTCVALUE đưa ra, cụ thể:

+ Lô đất diện tích 100m², thửa số 17B-2-8 tờ bản đồ số HH4, địa chỉ tại KTĐC Hòa Hiệp 4, phường Hòa Hiệp Nam, quận Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng (Nay là đường Thạch Sơn 3) có trị giá là: 1.926.054.400đ.

+ Giá trị vật kiến trúc trên đất tại địa chỉ tại Nguyễn Phước Chu, phường Hòa Hiệp Bắc, quận Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng, có trị giá là 79.485.599đ.

Tổng cộng 02 tài sản là: 2.005.539.999đ.

Tôi có nguyện vọng chia 02 tài sản trên theo tỷ lệ (50/50), tôi được nhận 50% giá trị tài sản, nhận bằng tiền mặt và giao tài sản cho anh Lâm toàn quyền sử dụng và định đoạt.

Ngoài ra, chúng tôi còn có tài sản là quyền sử dụng đất (loại đất trồng cây lâu niên), diện tích 100m², tại thôn An Ngãi Tây, xã Hòa Sơn, huyện Hòa Vang, mua của bà Nguyễn Thị Thanh vào năm 2010, mua chỉ viết tay với nhau; Tuy nhiên, sau khi ly hôn vào năm 2014, đến năm 2017 thì anh L đã tự ý bán cho người khác cũng bằng hình thức viết tay. Do vậy, tài sản này không còn nữa, nên bà P tự nguyện rút và không yêu cầu chia phần tài sản này. Việc rút phần này là hoàn toàn tự nguyện không bị ép buộc và sẽ không tranh chấp về sau.

- Bị đơn ông Nguyễn Xuân L trình bày:

+ Tôi thống nhất với bà Võ Thị Kim P về tài sản chung của chúng tôi trong thời kỳ hôn nhân như bà P trình bày, tuy nhiên tôi chỉ đồng ý chia đôi giá trị vật kiến trúc trên đất là ngôi nhà cấp bốn tại địa chỉ tại K7/31 Nguyễn Phước Chu, phường Hòa Hiệp Bắc, quận Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng. Về quyền sử dụng đất là do Công ty công trình 875 cấp cho bản thân tôi. Riêng đối với lô đất diện tích 100m², thửa số 17B-2-8 tờ bản đồ số HH4, địa chỉ tại Khu TĐC Hòa Hiệp 4, phường Hòa Hiệp Nam, quận Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng theo giấy CNQSDĐ số CE595028 do Sở Tài nguyên và Môi trường TP. Đà Nẵng cấp cho ông Nguyễn Tung, ông Nguyễn T bán lại cho vợ chồng theo hợp đồng nhận cọc ngày 21.8.2014 và hợp đồng ủy quyền 10.9.2014 tại Văn phòng công chứng Ngọc Yến. Lô đất này được chuyển đổi từ lô đất số 411, khu B2.8 đường 5.5m thuộc khu phía Bắc trường Giao thông vận tải về khu tái định cư Hòa Hiệp 4, phường Hòa Hiệp Nam, theo Quyết định chuyển đổi của UBND Tp Đà Nẵng. Tuy nhiên, nguồn gốc số tiền để thanh toán lô đất này thì tiền chung của vợ chồng tôi khoảng 100.000.000đ, còn lại 90.000.000đ là tiền của tôi thanh toán cho bên bán sau khi chúng tôi ly hôn, đồng thời do chuyển đổi từ khu B2.8 đường 5.5m khu tái định cư phía Bắc trường Giao thông vận tải về khu tái định cư Hòa Hiệp 4, phường Hòa Hiệp Nam nên bên bán đã yêu cầu tôi đưa thêm số tiền gần 50.000.000đ mới chịu giao sổ đỏ cho tôi. Do vậy, tôi chỉ đồng ý chia lô đất này theo tỷ lệ 70/30 (tức là tôi hưởng 70% giá trị, bà P hưởng 30% giá trị lô đất). Hoặc còn phương án thứ hai là tặng cho cả 02 tài sản trên cho các con, cụ thể:

1/ Ngôi nhà và đất tại địa chỉ tại K7/31 Nguyễn Phước Chu, phường Hòa Hiệp Bắc, quận Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng tặng cho con Nguyễn Xuân Đức Duy, sinh ngày 20/6/2012.

2/ Lô đất diện tích 100m², thửa số 17B-2-8 tờ bản đồ số HH4, Địa chỉ: KTĐC Hòa Hiệp 4, phường Hòa Hiệp Nam, quận Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng (Thạch Sơn 3) tặng cho con Nguyễn Thanh Tùng, sinh ngày 29/3/2006.

Trường hợp phải chia thì tôi thống nhất với kết quả định giá của 02 tài sản trên do Công ty Cổ phần Thẩm định giá BTCVALUE đưa ra:

+ Lô đất diện tích 100m², thửa số 17B-2-8 tờ bản đồ số HH4, địa chỉ tại KTĐC Hòa Hiệp 4, phường Hòa Hiệp Nam, quận Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng (Nay là đường Thạch Sơn 3) có trị giá là: 1.926.054.400đ.

+ Giá trị vật kiến trúc trên đất tại địa chỉ tại Nguyễn Phước Chu, phường Hòa Hiệp Bắc, quận Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng, có trị giá là 79.485.599đ.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

*** Ông Nguyễn T và bà Lê Thị L trình bày:**

Xác nhận có bán cho ông L bà P 01 lô đất số 411, khu B2.8 đường 5.5m thuộc khu phía Bắc trường Giao thông vận tải, vào năm 2014, thông qua bà Ngô Thị D với giá là 190.000.000đ, chúng tôi đã nhận của ông L bà P số tiền 170.000.000đ, số tiền còn lại thanh toán đủ khi nhận sổ đỏ (tức là bao sổ đỏ), theo hợp đồng nhận cọc ngày 21.8.2014 và hợp đồng ủy quyền lập ngày 10.9.2014, tại Văn phòng công chứng Ngọc Yến. Sau đó, lô đất này được UBND Tp Đà Nẵng có Quyết định chuyển đổi về khu tái định cư Hòa Hiệp 4, phường Hòa Hiệp Nam, theo

thửa đất số 17B-2-8 tờ bản đồ số HH4, diện tích 100m², (Nay là đường Thạch Sơn 3). Nay chúng tôi đã hoàn thành việc mua bán với ông L.

*** Công ty Cổ phần công trình 875 không có lời khai tại hồ sơ.**

- Người làm chứng bà Ngô Thị D trình bày:

Xác nhận có môi giới bán cho ông L bà P 01 lô đất số 411, khu B2.8 đường 5.5m thuộc khu phía Bắc trường Giao thông vận tải, vào năm 2014 với giá là 190.000.000đ, chúng tôi đã nhận của ông L bà P số tiền 170.000.000đ, số tiền còn lại thanh toán đủ khi nhận sổ đỏ (tức là bao sổ đỏ), theo hợp đồng nhận cọc ngày 21.8.2014 và hợp đồng ủy quyền lập ngày 10.9.2014, tại Văn phòng công chứng Ngọc Yến. Sau đó lô đất này được UBND Tp Đà Nẵng có Quyết định chuyển đổi về khu tái định cư Hòa Hiệp 4, phường Hòa Hiệp Nam thửa đất số 17B-2-8 tờ bản đồ số HH4, diện tích 100m². (Nay là đường Thạch Sơn 3).

Đến ngày 11/01/2017, khi có sổ đỏ thì tôi và ông T đi ký chuyển nhượng lô đất trên cho ông L bà P, nhưng ông L nói chỉ công chứng đứng tên cá nhân ông L, nên tôi không đồng ý vì khi bán là bán cho vợ chồng ông L bà P, sau đó ông L xuất trình giấy ly hôn và giấy xác nhận độc thân, nên tôi yêu cầu ông L viết giấy cam kết sau này nếu bà P tranh chấp thì ông L phải chịu trách nhiệm với bà P.

Tôi khẳng định việc nhận tiền và mua bán là bán cho ông L bà P, ngoài số tiền 170.000.000đ đã nhận đủ ngày 10/9/2014, tôi không nhận thêm bất kỳ đồng nào từ ông L. Về số tiền còn lại 20.000.000đ hẹn nhận đủ khi giao sổ đỏ, nhưng số tiền này ông L không giao lại cho tôi mà tôi phải đưa thêm tiền để ông L nộp tiền thuế cho Nhà nước, vì chúng tôi bao sổ đỏ. Việc ông L khai là đã giao thêm tiền cho tôi do có việc chuyển đổi vị trí đất là hoàn toàn không đúng.

*** Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng phát biểu ý kiến:**

+ Về thủ tục tố tụng:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng pháp luật tố tụng dân sự.

- Nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71, 72 và 234 Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Tung, bà Lê Thị L tuy có bản trình bày nhưng không tham gia phiên tòa và Công ty Cổ phần công trình 875 không có ý kiến và không tham gia phiên tòa là chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình.

+ Về nội dung:

Căn cứ vào các Điều 33, 59 Luật Hôn nhân và gia đình 2014; Đề nghị HĐXX:

+ Đối với giá trị vật kiến trúc trên đất tại địa chỉ tại K7/31 Nguyễn Phước Chu, phường Hòa Hiệp Bắc, quận Liên Chiểu, Tp. Đà Nẵng, có trị giá là 79.485.599đ, chia theo tỷ lệ mỗi người được hưởng 50% giá trị tài sản.

+ Đối với lô đất diện tích 100m², thửa số 17B-2-8 tờ bản đồ số HH4, địa chỉ tại KTĐC Hòa Hiệp 4, phường Hòa Hiệp Nam, quận Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng (Nay là đường Thạch Sơn 3) có trị giá là: 1.926.054.400đ. Có công sức đóng góp nhiều

hơn nên chia theo tỷ lệ ông L được hưởng 60% giá trị tài sản, bà P được hưởng 40% giá trị tài sản.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn T, bà Lê Thị L và Công ty Cổ phần công trình 875, mặc dù đã được Tòa án thực hiện các thủ tục triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng đến lần thứ hai vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt ông Nguyễn Tung, bà Lê Thị L và Công ty Cổ phần công trình 875.

[2]. Về nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện về việc chia tài sản chung sau khi ly hôn giữa bà Võ Thị Kim P và ông Nguyễn Xuân L thì thấy: Bà Võ Thị Kim P xác định tài sản chung của bà và ông Nguyễn Xuân L là: Giá trị vật kiến trúc trên đất tại địa chỉ tại K7/31 Nguyễn Phước Chu, phường Hòa Hiệp Bắc, quận Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng, có trị giá là 79.485.599đ, và Lô đất diện tích 100m², theo thửa đất số 17B-2-8 tờ bản đồ số HH4, địa chỉ tại Khu TĐC Hòa Hiệp 4, phường Hòa Hiệp Nam, quận Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng (Nay là đường Thạch Sơn 3) có trị giá là: 1.926.054.400đ; Tổng cộng 02 tài sản trên là: **2.005.539.999đ** và bà yêu cầu được nhận $\frac{1}{2}$ (chia đôi) giá trị tài sản, hình thức nhận là bằng tiền, giao toàn bộ tài sản cho ông L sử dụng và định đoạt.

Ông Nguyễn Xuân L thống nhất giá trị 02 tài sản trên là 2.005.539.999đ, và thừa nhận cả 02 tài sản trên là tài sản chung của vợ chồng, nhưng ông Nguyễn Xuân L chỉ đồng ý chia đôi giá trị vật kiến trúc trên đất là ngôi nhà cấp bốn tại địa chỉ tại K7/31 Nguyễn Phước Chu, phường Hòa Hiệp Bắc, quận Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng, được xây dựng trên phần đất do Công ty Cổ phần công trình 875 đã cấp cho ông L. Riêng đối với lô đất diện tích 100m², theo thửa đất số 17B-2-8 tờ bản đồ số HH4, địa chỉ tại Khu TĐC Hòa Hiệp 4, phường Hòa Hiệp Nam, quận Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng (Nay là đường Thạch Sơn 3) theo giấy CNQSDĐ số CE595028 do Sở Tài nguyên và Môi trường TP. Đà Nẵng cấp ngày 24/10/2016, chỉnh lý sang tên cho ông Nguyễn Xuân L ngày 24/01/2017, thì ông Nguyễn Xuân L không đồng ý chia $\frac{1}{2}$ (chia đôi) cho bà Phước, mà ông L yêu cầu chia theo tỷ lệ 70/30 (ông L nhận 70% giá trị lô đất, bà P nhận 30% giá trị lô đất). Lý do ông L cho rằng: Tiền mua lô đất này là 190.000.000đ, nhưng tiền chung của vợ chồng chỉ có khoảng 100.000.000đ, còn lại 90.000.000đ là tiền của ông vay mượn và thanh toán cho bên bán sau khi ông bà đã ly hôn, đồng thời do chuyển đổi từ khu B2.8 đường 5.5m khu tái định cư phía Bắc trường Giao thông vận tải về khu tái định cư Hòa Hiệp 4, phường Hòa Hiệp Nam nên bên bán đã yêu cầu ông đưa thêm số tiền gần 50.000.000đ mới chịu giao sổ đỏ cho ông.

HĐXX xét thấy:

2.1. Đối với toàn bộ giá trị vật kiến trúc trên đất tại địa chỉ Nguyễn Phước Chu, phường Hòa Hiệp Bắc, quận Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng, có trị giá là 79.485.599đ, cả ông L và bà P đều thừa nhận đây là tài sản của vợ chồng được xây dựng trên đất do Công ty Cổ phần công trình 875 cấp cho ông L và cùng đồng ý chia đôi giá trị tài sản này, ông L nhận nhà và thối tiền cho bà Phước; Xét đây là sự tự nguyện của các đương sự không trái pháp luật nên HĐXX ghi nhận, theo đó, số tiền mỗi bên được nhận là $(79.485.599đ : 2) = 39.742.799đ$.

2.2. Đối với lô đất diện tích 100m², đường 5,5m, theo thửa đất số 17B-2-8 tờ bản đồ số HH4, địa chỉ tại Khu TĐC Hòa Hiệp 4, phường Hòa Hiệp Nam, quận Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng (Nay là đường Thạch Sơn 3) theo giấy CNQSDĐ số CE595028 do Sở Tài nguyên và Môi trường TP. Đà Nẵng cấp ngày 24/10/2016, chỉnh lý sang tên cho ông Nguyễn Xuân L ngày 24/01/2017; Ông L cho rằng tiền chung của vợ chồng chỉ có khoảng 100.000.000đ, sau khi ly hôn ông phải vay thêm số tiền 90.000.000đ để trả tiền mua đất và ông phải nộp thêm tiền cho bên bán (bà Duyên) số tiền khoảng 50.000.000đ do chuyển đổi vị trí đất từ Khu TĐC phía bắc Trường Giao thông vận tải về khu TĐC Hòa Hiệp 4 thì mới được nhận sổ là không có căn cứ. Vì: Tại Giấy đặt cọc ngày 21.8.2014 và ngày 10.9.2014 thể hiện ông g bà D đã nhận của ông L bà P số tiền 170.000.000đ, số tiền 20.000.000đ còn lại nhận đủ khi giao sổ đỏ; Tại Quyết định Công nhận thuận tình ly hôn số 56/2016/QĐST-HNGĐ ngày 19/4/2016 của TAND quận Liên Chiểu, Tp Đà Nẵng, ở phần nợ chung thể hiện là không có; Và tại phiên tòa bà D là người môi giới bán đất cho ông L bà P không thừa nhận việc thu thêm tiền của ông L do chuyển đổi vị trí đất từ Khu TĐC phía bắc Trường Giao thông vận tải về khu TĐC Hòa Hiệp 4 và cho rằng đây là chủ trương của UBND Tp Đà Nẵng.

HĐXX xét thấy, ông Nguyễn Xuân L là người có công sức đóng góp phần hơn trong lô đất này, cụ thể là người trực tiếp thực hiện các thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất, thanh toán số tiền 20.000.000đ còn lại cho bên bán để hoàn thành việc mua bán đất và quản lý lô đất từ tháng 01/2017 cho đến nay, nên thống nhất với đề nghị của đại diện VKS quận Liên Chiểu tại phiên tòa, chia lô đất này theo tỷ lệ 60/40 (ông L nhận 60% giá trị lô đất, bà P nhận 40% giá trị lô đất) và giao lô đất này cho ông L sử dụng và định đoạt, ông L có nghĩa vụ thối trả tiền cho bà P là phù hợp. Cụ thể: Bà Võ Thị Kim P nhận tương đương số tiền 770.421.760đ. Ông Nguyễn Xuân L nhận tương đương số tiền 1.155.632.640đ.

Như vậy, tổng cộng số tiền mỗi người được nhận là:

Bà Võ Thị Kim P được nhận giá trị tài sản tương đương số tiền 810.064.559đ.

Ông Nguyễn Xuân L được nhận giá trị tài sản tương đương số tiền 1.195.375.439đ.

[3]. Về chi phí định giá và tiền xem xét thẩm định tại chỗ: 12.000.000đ; Ông Nguyễn Xuân L phải chịu số tiền 7.200.000đ; Bà Võ Thị Kim P số tiền 4.800.000đ. Tuy nhiên số tiền này bà P đã nộp và đã chi, nên buộc ông L phải trả lại cho bà P số tiền 7.200.000đ.

[4]. Về án phí: Bà Võ Thị Kim P phải chịu số tiền 36.088.000đ. Ông Nguyễn Xuân L phải chịu số tiền 51.815.000đ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Các Điều 33, 38, 59 Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

Các Điều 147, 160, 161, 162, 163, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQHH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

I. Chấp nhận đơn khởi kiện về việc chia tài sản chung sau ly hôn của bà Võ Thị Kim P đối với ông Nguyễn Xuân L. Và xác định tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân của bà Võ Thị Kim P và ông Nguyễn Xuân L gồm:

1. Lô đất diện tích 100m², đường Thạch Sơn 3, thuộc thửa đất số 17B-2-8 tờ bản đồ số HH4, địa chỉ tại Khu TĐC Hòa Hiệp 4, phường Hòa Hiệp Nam, quận Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng, theo giấy CNQSDĐ số CE595028 do Sở Tài nguyên và Môi trường TP. Đà Nẵng cấp ngày 24/10/2016, chỉnh lý sang tên cho ông Nguyễn Xuân L ngày 24/01/2017, có trị giá: 1.926.054.400đ.

2. Giá trị vật kiến trúc trên đất tại địa chỉ Nguyễn Phước Chu, phường Hòa Hiệp Bắc, quận Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng, có trị giá là: 79.485.599đ.

Tổng cộng 02 tài sản: 2.005.539.999đ.

II. Xử:

1. Ghi nhận sự thỏa thuận của bà Võ Thị Kim P và ông Nguyễn Xuân L đối với toàn bộ giá trị vật kiến trúc trên đất tại địa chỉ K7/31 Nguyễn Phước Chu, phường Hòa Hiệp Bắc, quận Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng, có trị giá là 79.485.599đ, và số tiền mỗi người được nhận là $(79.485.599đ : 2) = 39.742.799đ$.

2. Chia Lô đất diện tích 100m², đường Thạch Sơn 3, thuộc thửa đất số 17B-2-8 tờ bản đồ số HH4, địa chỉ tại Khu TĐC Hòa Hiệp 4, phường Hòa Hiệp Nam, quận Liên Chiểu, Tp. Đà Nẵng, theo tỷ lệ (ông L nhận 60% giá trị lô đất, bà P nhận 40% giá trị lô đất). Bà Võ Thị Kim P nhận số tiền 770.421.760đ. Ông Nguyễn Xuân L nhận số tiền 1.155.632.640đ.

Như vậy, tổng cộng số tiền mỗi người được nhận là:

Bà Võ Thị Kim P được nhận giá trị tài sản với số tiền **810.064.559đ**.

Ông Nguyễn Xuân L được nhận giá trị tài sản với số tiền **1.195.375.439đ**.

3. Giao cho ông Nguyễn Xuân L toàn quyền sử dụng và định đoạt đối với: Lô đất diện tích 100m², đường Thạch Sơn 3, thuộc thửa đất số 17B-2-8 tờ bản đồ số HH4, địa chỉ tại Khu TĐC Hòa Hiệp 4, phường Hòa Hiệp Nam, quận Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng, theo giấy CNQSDĐ số CE595028 do Sở Tài nguyên và Môi trường TP. Đà Nẵng cấp ngày 24/10/2016, chỉnh lý sang tên cho ông Nguyễn Xuân L ngày 24/01/2017; Và giá trị vật kiến trúc trên đất tại địa chỉ Nguyễn Phước Chu, phường Hòa Hiệp Bắc, quận Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng.

4. Ông Nguyễn Xuân L có nghĩa vụ thôi cho bà Võ Thị Kim Psố tiền **810.064.559đ** (*Tám trăm mười triệu, không trăm sau mười bốn ngàn, năm trăm năm chín đồng*).

5. Sau khi ông Nguyễn Xuân L thôi trả tiền cho bà Võ Thị Kim P và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ về án phí DSST, tiền định giá và xem xét tại chỗ thì được liên hệ với Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai quận Liên Chiểu để được công nhận quyền sở hữu tài sản đối với phần nhà đất mình được nhận và nộp nghĩa vụ tài chính theo quy định pháp luật.

6. Về chi phí định giá và tiền xem xét thẩm định tại chỗ: Số tiền 12.000.000đ;

Buộc ông Nguyễn Xuân L phải chịu số tiền 7.200.000đ; Bà Võ Thị Kim Psố tiền 4.800.000đ. Tuy nhiên số tiền này bà P đã nộp và đã chi, nên buộc ông L phải trả lại cho bà P số tiền 7.200.000đ.

7. Về án phí:

Buộc bà Võ Thị Kim P phải chịu số tiền 36.088.000đ, nhưng được trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 9.125.000đ, theo biên lai thu số 0006360 ngày 15/8/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Liên Chiểu. Số tiền còn lại phải nộp là **26.963.000đ**. (*Hai mươi sáu triệu, chín trăm sáu mươi ba ngàn đồng*)

Buộc ông Nguyễn Xuân L phải chịu số tiền **51.815.000đ**. (*Năm mươi một triệu, tám trăm mười lăm ngàn đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bà Võ Thị Kim P có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Nguyễn Xuân L không thực hiện nghĩa vụ thôi trả tiền cho bà P thì hàng tháng còn phải trả tiền lãi theo mức lãi suất nợ quá hạn theo quy định tại Điều 468 BLDS tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

8. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Riêng người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 từ ngày nhận (hoặc niêm yết) bản án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hạn thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật THADS.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Q. Liên Chiểu;
- Chi cục THA.DS Q. Liên Chiểu;
- Hồ sơ vụ án

Phan Văn Trình.

